

phố số: 41/18/2016  
+ Lãi kho công ty biết chi phí  
phòng kế hoạch 100 bao giờ

3118/2016  
led

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC KẠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số 1383/QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày 26 tháng 8 năm 2016

CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẮC KẠN  
Số: 488  
Ngày 30/1/8/2016  
Chuyên

**QUYẾT ĐỊNH**  
**Về việc phê duyệt Đề án sắp xếp, đổi mới**  
**Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 118/2004/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ về sắp xếp đổi mới và phát triển, nâng cao hiệu quả hoạt động của Công ty nông nghiệp, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18/6/2014 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BNNPTNT ngày 27/01/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn xây dựng đề án và phương án tổng thể sắp xếp đổi mới công ty nông nghiệp, lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2004/NĐ-CP ngày 17/12/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 757/2007/QĐ-UBND ngày 21 tháng 5 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc phê duyệt kết quả rà soát quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ kết quả thẩm định Đề án sắp xếp đổi mới Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn ngày 14/4/2015 của Hội đồng thẩm định đề án SXĐM Công ty lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Văn bản số 7817/BNN-QLDN ngày 23/9/2015 của Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc thẩm định và phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp đổi mới Công ty lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Thông báo số 80-TB/TU ngày 04/01/2016 của Tỉnh ủy về phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH một thành viên Lâm nghiệp Bắc Kạn;

Căn cứ Văn bản số 278/TTg-ĐMDN ngày 23/2/2016 của Thủ Tướng Chính Phủ về việc phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bắc Kạn;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 99/TTr-SNN ngày 29/7/2016,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án sắp xếp đổi mới Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn như sau:

## I. TÌNH HÌNH CƠ BẢN

### 1. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý hiện tại

Cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty được tổ chức theo mô hình “Chủ tịch, Tổng giám đốc, kiểm soát viên”. Chủ tịch Công ty nhân danh chủ sở hữu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu Công ty; Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc thực hiện việc điều hành trực tiếp các hoạt động sản xuất kinh doanh; Kiểm soát viên thực hiện giám sát việc tuân thủ quy định pháp luật của Công ty. Công ty có các Chi nhánh tại địa bàn các huyện, thành phố trực tiếp tổ chức sản xuất kinh doanh là các lâm trường, xí nghiệp gồm: Lâm trường Bạch Thông; Lâm trường Chợ Mới; Lâm trường Ngân Sơn; Lâm trường Ba Bê; Trạm lâm nghiệp Na Rì; Xí nghiệp Giồng và Tư vấn lâm nghiệp Nông Thịnh; Xí nghiệp Lâm nghiệp Chợ Đồn; Xí nghiệp Chế biến lâm sản Huyện Tụng; 01 đơn vị liên doanh có 34% vốn góp là Công ty cổ phần SAHABAK hoạt động chế biến lâm sản tại khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới.

### 2. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất trước khi thực hiện sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn

Tổng diện tích tại thời điểm sắp xếp đổi mới là 17.082,49 ha, phân bố trên địa giới hành chính 24 xã, phường, thị trấn thuộc các huyện: Ba Bê, Ngân Sơn, Chợ Mới, Bạch Thông, Na Rì và thành phố Bắc Kạn.

- Theo phân loại đất như biểu sau:

Thứ tự	Loại đất	Mã	Tổng	Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>17.075,35</b>	<b>17.075,35</b>
<b>1.1</b>	<b>Đất rừng sản xuất:</b>	<b>RSX</b>	<b>14.015,85</b>	<b>14.015,85</b>
1.1.1	Đất có rừng tự nhiên	1100	8.905,48	8.905,48
1.1.1.1	Rừng gỗ nghèo	1113	1.239,55	1.239,55
1.1.1.2	Rừng gỗ chưa có trữ lượng	1114	7.531,10	7.531,10
1.1.2	Đất có rừng trồng	1200	3.888,79	3.888,79
1.1.3	Đất chưa có rừng	2000	1221,58	1221,58
<b>1.2</b>	<b>Đất rừng tự nhiên phòng hộ</b>	<b>RPH</b>	<b>3.059,50</b>	<b>3.059,50</b>
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp (Trụ sở, vườn ươm, chuyên dùng khác)</b>	<b>PNN</b>	<b>7,141</b>	<b>7,141</b>
<b>Cộng</b>			<b>17.082,49</b>	<b>17.082,49</b>

- Theo hiện trạng quản lý sử dụng: Diện tích tự tổ chức quản lý sản xuất 12.752,70 ha rừng tự nhiên phòng hộ và rừng tự nhiên sản xuất, đất trồng rừng; diện tích khoán theo Nghị định 135/2005/NĐ-CP là 3.888,79 ha rừng trồng; diện tích bị cấp trùng 441 ha; diện tích liên kết hợp tác đầu tư 2.338,26 ha.

- Về hồ sơ quản lý: Hoàn thiện hồ sơ địa chính được UBND tỉnh phê duyệt giao và cho thuê đất là 16.003,42 ha với 11 quyết định; 235 giấy; 10 hợp đồng thuê đất.

### 3. Tổng hợp Tài chính và kết quả kinh doanh trước khi thực hiện sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn

TT	Nội dung	Giá trị (nghìn đồng)
<b>1</b>	<b>Tổng giá trị tài sản</b>	<b>69.967.611</b>
1.1	Tài sản ngắn hạn	47.414.903
1.2	Tài sản dài hạn	22.552.708
<b>2</b>	<b>Nguồn vốn</b>	<b>69.967.611</b>
2.1	Nợ phải thu	23.328.553
2.2	Vay và nợ ngắn hạn, dài hạn	12.002.469
2.3	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.636.590
2.4	Lỗ lũy kế	0
<b>3</b>	<b>Kết quả sản xuất KD bình quân 3 năm năm 2012 - 2014</b>	
3.1	Doanh thu	27.639.756
3.2	Lợi nhuận trước thuế	449.827
3.3	Lợi nhuận sau thuế	428.755

**4. Tình hình lao động: Tổng số lao động trước khi sắp xếp là 1.932 người (hộ), trong đó:**

- Lao động trong danh sách là 137 người.
- Lao động nhận khoán là 1.975 (hộ, người).

## II. PHƯƠNG ÁN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BẮC KẠN

### 1. Phương án sắp xếp, đổi mới Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bắc Kạn

Tiếp tục duy trì, củng cố, phát triển và tái cơ cấu Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn là “Công ty Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích” dựa trên các nội dung sau:

Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, UBND tỉnh Bắc Kạn làm chủ sở hữu, là doanh nghiệp Nhà nước thực hiện nhiệm vụ sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích với tổng diện tích đất được giao và cho thuê là 14.744,23 ha.

- Nhiệm vụ công ích:

+ Quản lý bảo vệ, nuôi dưỡng rừng và làm giàu tự nhiên sản xuất với tổng diện tích 7.187,65 ha. Trong đó: Bảo vệ đồng thời làm giàu rừng nghèo 726,79 ha; bảo vệ đồng thời khoanh nuôi phục hồi rừng non 6.326,03 ha; bảo vệ nuôi dưỡng rừng hỗn giao 134,83 ha.

+ Thực hiện nhận giao đất, nhận giao rừng; tổ chức thực hiện bảo vệ nuôi dưỡng rừng, làm giàu rừng được ngân sách đảm bảo giai đoạn 2015 - 2020 thông qua kế hoạch giao.

+ Bảo vệ rừng tự nhiên là rừng phòng hộ với tổng diện tích 3.059,50 ha; thực hiện nhận giao đất, nhận rừng, hoạt động quản lý bảo vệ rừng được ngân sách đảm bảo thông qua kế hoạch, chương trình, dự án từng giai đoạn.

- Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh:

+ Đầu tư trồng - kinh doanh rừng thuộc vị trí và phân cấp rừng đầu nguồn xung yếu với tổng diện tích 4.489,94 ha (*trong đó: trồng rừng mới trên đất chưa có rừng là 1.221,58 ha, chăm sóc bảo vệ và kinh doanh rừng trồng 3.268,36 ha*). Xác lập cơ cấu sản phẩm rừng trồng chủ yếu là lấy gỗ lớn để nâng cao giá trị sản xuất (*trong đó: loài Keo và Thông chiếm trên 90% tổng quỹ đất rừng trồng, trồng cây gỗ lớn bản địa có giá trị cao tại các tiểu lập địa phù hợp chiếm 10% quỹ đất trồng*).

+ Thực hiện sản xuất, dịch vụ cây giống lâm nghiệp, tư vấn thiết kế lâm sinh, thiết kế khai thác lâm sản trên địa bàn tỉnh.

**2. Phương án sử dụng đất: Giữ lại 14.744,23 ha, trả ra để chuyển giao cho đơn vị liên doanh 2.338,26 ha.**

2.1. Diện tích giữ lại sử dụng là 14.744,23 ha, cụ thể như sau:

2.1.1. Diện tích đất nhận thuê để kinh doanh là 4.497,08 ha. Trong đó:

- Đất lâm nghiệp 4.489,94 ha (đất có rừng trồng sản xuất 3.268,36 ha; đất trồng rừng sản xuất 1.221,58 ha).

- Đất Trụ sở cơ quan 0,5194 ha.

- Đất vườn ươm 6,6216 ha.

2.1.2. Diện tích nhận giao không thu tiền sử dụng đất 10.247,15 ha. Trong đó:

- Đất có rừng phòng hộ là 3.059,50 ha.

- Đất có rừng tự nhiên sản xuất là 7.187,65 ha.

2.2. Thực hiện tách riêng 2.338,26 ha trong tổng số 17.075,35 ha rừng và đất lâm nghiệp hiện có của Công ty (*gồm 1.717,83 ha rừng tự nhiên sản xuất; 620,43 ha rừng trồng đã xác định giá trị; 0,45 ha rừng mới trồng*) xác định trả ra, để UBND tỉnh Bắc Kạn giao cho Công ty cổ phần SAHABAK thuê sử dụng.

**3. Phương án về quản lý, sử dụng rừng và nhiệm vụ công ích**

Sau khi tiến hành sắp xếp, đổi mới thì việc quản lý sử dụng rừng của Công ty được thực hiện cụ thể như sau:

- Rừng trồng sản xuất 3.268,36 ha: Tiến hành chăm sóc bảo vệ hết 3 năm đầu sau đó tiến hành bảo vệ, theo dõi sinh trưởng, đến tuổi khai thác sẽ chọn thời điểm khai thác thích hợp theo hướng lấy gỗ lớn, đảm bảo cho sản lượng ổn định.

- Rừng tự nhiên thuộc quy hoạch là rừng sản xuất với tổng diện tích 7.187,65 ha, gồm: 726,79 ha rừng gỗ nghèo, 6.326,03 ha rừng gỗ tái sinh chưa có trữ lượng đáng kể và 134,83 ha rừng hỗn giao Gỗ -Vầu. Phương án sử dụng cụ thể như sau:

+ Rừng nghèo: Bảo vệ nuôi dưỡng và thực hiện các biện pháp làm giàu rừng giai đoạn 2015 - 2020, kinh phí dự kiến 1.816.975.000 đồng ( $726,79 \text{ ha} \times 500.000 \text{ đồng/ha/năm} \times 5 \text{ năm}$ ); tiếp tục bảo vệ nuôi dưỡng giai đoạn 2021 - 2025 với kinh phí dự kiến 726.790.000 đồng ( $726,79 \text{ ha} \times 200.000 \text{ đồng/ha/năm} \times 5 \text{ năm}$ ). Tổng kinh phí 10 năm là 2.543.765.000 đồng; sau năm 2025 xây dựng phương án quản lý rừng bền vững, cấp chứng chỉ FSC, khai thác sản phẩm.

+ Rừng gỗ tái sinh chưa có trữ lượng: Tiến hành bảo vệ nuôi dưỡng đến năm 2030, kinh phí dự kiến 18.978.090.000 đồng ( $15 \text{ năm} \times 6.326,03 \text{ ha} \times 200.000 \text{ đồng/ha/năm}$ ), sau đó xây dựng phương án quản lý kinh doanh rừng bền vững, khai thác sản phẩm.

+ Rừng hỗn giao gỗ vầu nứa: Tiến hành bảo vệ nuôi dưỡng đến năm 2030, kinh phí dự kiến 404.490.000 đồng ( $15 \text{ năm} \times 134,83 \text{ ha} \times 200.000 \text{ đồng/ha/năm}$ ), sau đó xây dựng phương án quản lý kinh doanh rừng bền vững, khai thác sản phẩm.

- Rừng phòng hộ 3.059,50 ha tiến hành bảo vệ thường xuyên liên tục, không cho người gia súc phá hại, khai thác trái phép bằng biện pháp tuyên truyền, tuần tra ... Kinh phí thực hiện hàng năm  $3.059,50 \text{ ha} \times 200.000 \text{ đồng/năm} = 611.900.000 \text{ đồng/năm}$  bằng ngân sách nhà nước thông qua các chương trình dự án, kế hoạch giao v.v...

#### **4. Phương án về tài chính và đầu tư**

- Về vốn điều lệ: Xác định tăng từ 35.300.000.000 đồng lên 47.210.405.000 đồng.

+ Vốn điều lệ đã được phê duyệt 35.300.000.000 đồng (Trong đó vốn điều lệ được cấp tại thời điểm 30/11/2014: 31.508.000.000 đồng; vốn điều lệ còn thiếu 3.792.000.000 đồng).

+ Vốn điều lệ xác định tăng theo quy định tại Nghị định 118/2014/NĐ-CP là 11.910.405.000 đồng (*được tính bằng đầu tư trồng mới diện tích rừng 1.221,58 ha x 19.500.000 đồng/ha x 50%*) (Dự án bảo vệ và phát triển rừng Công ty giai đoạn 2011 - 2020 được UBND tỉnh Bắc Kạn phê duyệt tại quyết định số 1868/QĐ-UBND, ngày 30/10/2013. Trong đó kế hoạch trồng mới 1.221,58 ha chưa có nguồn vốn đề nghị cấp bổ sung hàng năm thông qua dự án bảo vệ phát triển rừng tổng số tiền: 11.910.405.000 đồng).

- Tạo quỹ đầu tư phát triển rừng: Lợi nhuận hàng năm tạo được ưu tiên cho quỹ đầu tư phát triển rừng; phát huy thế mạnh vốn tự có gồm cây giống có giá trị năng suất chất lượng cao, độ phì của đất, giá trị quyền sử dụng đất, dịch vụ kỹ

thuật, quy hoạch sản xuất tập trung v.v... để từ đó kêu gọi hợp tác liên kết trồng kinh doanh phát triển rừng là chủ yếu. Chuẩn bị các điều kiện cần và đủ khi có chính sách cho vay vốn phát triển rừng.

- Thực hiện đa dạng cơ chế, hình thức khoán trồng - kinh doanh rừng để thu hút các nguồn lực từ bên ngoài.

- Giao kế hoạch và đảm bảo kinh phí thực hiện nhiệm vụ công ích đối với rừng phòng hộ, rừng tự nhiên sản xuất từ năm 2016 đến năm 2020 tổng diện tích 10.247,15 ha tương đương 10.247.150.000 đồng bằng nguồn vốn ngân sách tỉnh thông qua kế hoạch giao và dự án bảo vệ phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020, các chương trình dự án thực hiện chính sách đối với rừng phòng hộ, rừng tự nhiên sản xuất của Chính phủ.

- Kinh phí đo đạc, cắm mốc tổng dự toán 11.036.268.000 đồng đề nghị Ngân sách Trung ương cấp.

- Xử lý công nợ 2.991.562.000 đồng các hộ dân nợ tiền trồng rừng nguyên liệu giấy năm 2002 - 2004 do trồng rừng không thành rừng và các khoản nợ khác.

- Xử lý chi phí dở dang bằng nguồn vốn ngân sách trước năm 1992 là 1.969.099.000 đồng.

- Trích lập quỹ dự phòng rủi ro 5% tổng chi phí mỗi dự án theo từng năm.

### **5. Phương án về lao động**

- Thực hiện tinh giản bộ máy gián tiếp, sắp xếp lại lao động cho phù hợp với chức năng nhiệm vụ mới. Tổng số lao động trong danh sách đến thời điểm sắp xếp là 137 người, sau sắp xếp để lại tiếp tục sử dụng 92 lao động (*trong đó: gián tiếp là 57 người, trực tiếp 35 người*).

- Số lao động dư ra thực hiện giải quyết cho nghỉ việc theo Bộ luật Lao động và giải quyết lao động dôi dư theo chính sách của Nhà nước.

- Lao động trong danh sách sau khi sắp xếp, tiếp tục sử dụng 92 người, tiến hành bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng chuyên môn và tay nghề lao động (*trong đó cần được bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ và tay nghề 48 người*).

- Xây dựng và thực hiện quy trình chuẩn và hiện đại về tuyển dụng, đánh giá, đào tạo bồi dưỡng, sử dụng đối với người lao động nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ công nhân viên chức, người lao động, tạo môi trường làm việc chủ động tích cực văn minh và hiệu quả.

### **6. Phương án về khoa học và công nghệ**

- Tập trung cho nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ về giống cây để chọn tạo cơ cấu cây trồng hợp lý năng suất chất lượng cao, rút ngắn chu kỳ kinh doanh.

- Từng bước nghiên cứu cải tiến công nghệ khai thác, bóc dỡ, vận xuất, vận chuyển gỗ lâm sản nhằm hạ giá thành sản phẩm.

- Áp dụng công nghệ thông tin vào quản lý.

### **7. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý**

- Thực hiện mô hình tổ chức “Chủ tịch, giám đốc, kiểm soát viên”.

- Xoá bỏ tổ chức bộ máy quản lý các chi nhánh là các lâm trường, trạm lâm nghiệp, xí nghiệp ở các huyện, gồm: Lâm trường Bạch Thông, lâm trường Chợ Mới, lâm trường Ba Bê, lâm trường Ngân Sơn, trạm lâm nghiệp Na Rì. Thiết lập cơ chế điều hành trực tiếp từ Công ty đến các đơn vị sản xuất trực tiếp là các đội lâm nghiệp.

- Duy trì, củng cố Xí nghiệp Giồng và tư vấn lâm nghiệp Nông Thịnh; Xí nghiệp chế biến lâm sản Huyện Tụng theo cơ chế hoạt động liên doanh, liên kết, cổ phần.

- Giải thể Xí nghiệp lâm nghiệp Chợ Đồn.

**Điều 2.** Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn có trách nhiệm thực hiện đúng các nội dung của Đề án đã được duyệt tại Điều 1 Quyết định này. Khẩn trương xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt các phương án chi tiết (ưu tiên phương án sử dụng đất trước) để triển khai thực hiện đúng tiến độ, đúng các quy định hiện hành. Thực hiện tổng thể các giải pháp để giảm chi phí hạ giá thành sản phẩm; nâng cao giá trị sản phẩm; nâng cao năng lực cạnh tranh và nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.

**Điều 3.** Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Kế hoạch và đầu tư, Giám đốc Sở Tài Chính, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Khoa học - Công nghệ, Chủ tịch UBND các huyện: Bạch Thông, Chợ Mới, Chợ Đồn, Ngân Sơn, Ba Bê, Na Rì, thành phố Bắc Kạn, Chủ tịch Công ty TNHH một thành viên lâm nghiệp Bắc Kạn và Thủ trưởng các đơn vị và các nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/hiện);
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- BCĐ đổi mới PT doanh nghiệp TW;
- TT TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP;
- Lưu VT, NLN. *vt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



*[Handwritten signature]*  
**Đỗ Thị Minh Hoa**

